

1. Write these phrases in English.

Cao	Thấp
Mảnh mai	To
Nhỏ	Già
Trẻ	

2. Translate into English.

1. Trông bà bạn thế nào? – Bà già và thấp.

.....

2. Ai trẻ hơn, bố bạn hay mẹ bạn?

.....

3. Minh cao hơn Vũ.

.....

4. Trông họ thế nào? – Họ cao và trẻ.

.....

5. Mẹ tôi mảnh mai và xinh đẹp.

.....

6. Ai thấp hơn, bạn hay anh bạn?

.....

7. Chú bạn thấp phải không?

.....

8. Kia là cô tôi. Cô ấy cao hơn bố tôi.

.....

9. Ai già hơn, bố bạn hay bác Kiên?

.....

10. Bố tôi già hơn bác Kiên.

.....

III. Reorder the words to make correct sentences.

1. to/ animal/ you/ What/ see/ do/ want?
.....
2. do/ I/ seven/ homework/ p.m./ at/ my.
.....
3. some/ like/ coffee/ you/ Would?
.....
4. is/ or/ What/ shirt/ this/ cheaper/ hat/ that?
.....
5. in/ works/ My/ an/ office/ mother.
.....
6. and/ teacher/ tall/ My/ is/ handsome.
.....
7. can't/ I/ because/ go/ busy/ I'm.
.....
8. day/ is/ When/ children's/ the?
.....

IV. Fill in the blank with “WHAT, WHAT TIME, WHEN, WHERE, HOW MUCH”.

1. _____ is Tet holiday?
2. _____ time is this?
3. _____ is this T-shirt?
4. _____ does your mother do?
5. _____ do they look like?
6. _____ are those pens?
7. _____ is her phone number?
8. _____ is your school?
9. _____ animal do you want to see?
10. _____ is your birthday?